

TÌM HIỂU MỘT SỐ NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở TÂN LẠC - HÒA BÌNH

NGUYỄN THANH NGA

Huyện Tân Lạc - Hòa Bình là một trong những vùng tập trung đông dân cư Mường, một địa danh điển hình với xứ Mường Bi được coi là một trong những cái nôi của văn hóa cổ truyền Mường.

Người Mường sống quần tụ ở hầu khắp các xã trong huyện với hai vùng địa bàn là: vùng cao: với độ cao trung bình 600m, các xã như Bắc Sơn, Lũng Vân, bốn mùa mây phủ, có năm rét tới 0°C. Đây là vùng núi đá, ít ruộng với nhiều thung lũng hẹp. Vùng thấp: có đồng bằng trải dài, ở các xã Phú Cường, Phú Vinh, Trung Hòa v.v... có nhiều thung lũng rộng, ruộng lúa kéo dài tới chân dãy núi Trường Sơn.

Thổ nhưỡng vùng Tân Lạc là dạng Felaritic, đất đồi đá vôi, thích hợp cho việc trồng cây bông, bông cỏ, bông "hời", ngô, sắn, lúa nương.

Trong đời sống sinh hoạt của người Mường ở Tân Lạc Hòa Bình vẫn còn giữ được nhiều nét văn hóa Mường Bi tiêu biểu qua phong tục tập quán, ngôn ngữ, trang phục và những nghề thủ công truyền thống như dệt vải, đan lát là những nghề thủ công gắn bó mật thiết với đời sống vật chất và tinh thần của người Mường từ thế hệ này sang thế hệ khác.

• Nghề trồng bông, kéo sợi dệt vải của người Mường

Đây là một trong những nghề thủ công truyền thống lâu đời của người Mường. Đến các gia đình người Mường ở Tân Lạc, ta thấy hầu như nhà nào cũng trồng bông, kéo sợi, dệt vải, mặc dù nghề này tồn tại mang tính chất tự cấp tự túc, chưa trở thành những làng nghề chuyên nghiệp, song thật sự nó

gắn liền với đời sống kinh tế của người Mường, nó được định hình trong chức năng lao động và sinh hoạt thường nhật của người Mường.

Nguồn nguyên liệu chủ yếu của nghề dệt là cây bông với một số giống bông cổ vốn thích nghi với loại đất vùng đồi nghèo lân và nhiều độ Felarít, và chất mùn, những giống bông được trồng phổ biến ở vùng Tân Lạc là bông cỏ, bông "luồi". Tại các xã Thanh Hối, Tử Nê, Gia Mô người Mường gieo bông trên nương vào tháng giêng âm lịch, giống bông gieo bằng hạt trên đồi này có sức chịu đựng tốt và không phải tốn nhiều công chăm sóc. Vào tháng 6 (âm lịch) người Mường thu hoạch bông, nhà trồng nhiều có thu hoạch tới 5 tạ bông chưa cán. Trước khi gieo hạt bông người Mường thường đốt nương để diệt cỏ, sau đó cuốc từng hốc cách hàng và gieo hạt. Hạt bông được ngâm nước trước khi gieo độ một buổi, sau 2 tháng hạt bông lên đều, người ta làm cỏ chọ nương bông, vun gốc bông. Tháng thứ ba bông trở hoa, kết quả, sau hai tháng nữa quả bông sẽ được thu hoạch hình dạng quả bông tròn, khi chớm nở chia làm 6 cánh, có hạt như kiểu hạt dổi. Trồng bông không đòi hỏi chăm sóc nhiều thường chỉ tưới. Cây bông cao nhất không quá 1m, thu hoạch bông vào tháng 6 lúc có nắng gay gắt. Bông hái về được phơi trên những "Mủng" đặt ở đầu nhà sàn, sau 3, 4 ngày phơi nắng người ta tẽ hạt bông và nhặt những cánh vỏ, sau đó cho bông vào cái "ít" để cán bông. Bước tiếp theo, họ cho bông vào cái "cung" để bạt bông tới lên và để trong những cái "mủng". Lúc này đã có bông ở dạng nguyên chưa thành sợi. Người Mường thường sử dụng cái "xúm lò" một

dụng cụ cán bông thành những "con lò" bông dài khoảng 30cm. Người Mường cho các "con lò" vào một dụng cụ là cái "la" để kéo bông thành sợi gọi là "pẩn pải", sau đó người ta quấn sợi bông bằng cán "chằng mệ" và phải làm cái khung để cuộn sợi, bông quấn trong các khung gỗ hình lục lăng, có trụ ở giữa, các cuộn sợi này được đem "cháo" tức là hồ sợi bông bằng bột gạo tẻ. Cuối cùng, họ lồng các cuộn sợi đã hồ vào sáo nửa và đem phơi nắng. Lúc này đã có các sợi mộc thành phẩm có thể dùng để dệt vải.

Bên cạnh việc trồng bông, kéo sợi người Mường còn biết trồng dâu, nuôi tằm. Phổ biến ở một số xã như Gia Mô, Lỗ Sơn, và ở xóm Đưng có những cụ bà dệt được những tấm tơ tằm đẹp làm cái "têng" (một loại thắt lưng dài hơn 2m). Phụ nữ Mường thường thắt đúng giữa eo, trong trang phục của phụ nữ còn có cái "Clôc" rất độc đáo, dệt cầu kỳ bằng tơ tằm mịn và bóng với nhiều vòng hoa văn dệt hình động vật chạy quanh như kiểu trang trí trên trống đồng.

Khung dệt vải của người Mường gọi là "chiêng phải" có những khung lớn dài hơn 2m, gồm các bộ phận như cầu kéo sợi, chân đạp, bàn điều chỉnh sợi, "chiêng phải" được làm bằng gỗ tốt có cái đã tồn tại từ đời ông bà đến con cháu vẫn sử dụng được. Ở xóm Ải, xã Phong Phú có gia đình dệt tới 200 sải vải, loại vải khổ hẹp, có loại khổ vải rộng tới 0,70m.

Gắn liền với nghề dệt vải, và thổ cẩm là kỹ thuật nhuộm màu. Người Mường ở Tân Lạc từ lâu đời đã biết sử dụng nhiều màu nhuộm sợi, vải rất bền đẹp. Họ đã biết sử dụng các màu chiết xuất từ lá cây, như lá chàm.

Khi nhuộm, người Mường sử dụng nguyên liệu tự nhiên như lá rừng, dùng cây lá chàm để tạo màu chàm. Người ta trồng cây chàm trên nương, hoặc quanh nhà. Chàm có loại cây lá nhỏ và một loại cây lá to. Vào tháng năm (âm lịch) người ta ngắt lá chàm về cho vào vại, ngâm nước vài ngày cho lá nhuyển ra, vớt bỏ bã và lọc nước, rồi cho một ít

vôi vào, đong nước bằng những gáo làm bằng nửa quả bầu khô. Số lượng vôi tùy theo số lượng nước trong vại, người ta còn cho thêm nước tro bếp, để vài ngày cho lắng vôi xuống. Tạo thành một chất dẻo như cao khi nhuộm người ta hòa với nước đun sôi, cho lá ngải thêm vào nước tro, khuấy đều và thả vải vào nhuộm tạo nên màu chàm xanh đẹp, bền màu. Người Mường nhuộm vải chàm vào tháng 7, vải phải nhuộm vài lần cho tới khi có màu xanh chàm vừa ý. Người Mường còn tạo ra các màu đen từ cây "vỏ", cây lá "mức", hoặc tạo màu vàng từ cây "vang". Các màu vàng, màu trắng, màu chàm là những màu rất phổ biến trong trang phục phụ nữ Mường ở Tân Lạc Hòa Bình. Một đặc điểm đáng lưu ý là trong tang lễ, con cháu trong gia đình đều phải mặc áo quần, váy trắng dệt bằng sợi bông thô, người ta phải dệt nhiều vải sợi bông trắng để phòng khi có đám tang. Nếu nhà nào không đủ số vải để dùng trong đám tang sẽ bị chê cười là bất hiếu, hoặc trong đám cưới người con dâu phải mang về tặng bố mẹ, anh chị em bên chồng nhiều tấm "mặt phà" làm vỏ chăn, chăn bông và gối. Có lẽ cũng chính từ những phong tục đó mà nghề dệt vải càng gắn bó mật thiết với đời sống của người Mường như minh chứng cho một truyền thống văn hóa tốt đẹp. Nghề dệt mà hầu như mọi công đoạn từ trồng bông, kéo sợi, dệt vải đều do người phụ nữ Mường đảm nhiệm, nghề thủ công này gắn bó với cuộc đời người con gái Mường từ lúc cô còn là cô bé lên 10 đã được bà, mẹ dạy cho cách cán bông, kéo sợi và dệt vải. Người phụ nữ phải biết dệt vải, một quan niệm đã được xác lập và trở thành như một chuẩn mực trong đời sống người dân Mường. Từ tấm mặt "phà" đẹp ngày cô gái đi lấy chồng đến bộ váy áo với chiếc "têng" vàng, xanh duyên dáng, hay những bộ quần áo tang đều do bàn tay chăm chỉ của người phụ nữ Mường ngày đêm bên khung cửi tạo ra.

• Nghề đan lát các đồ dùng gia dụng

Ở góc độ nghiên cứu văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của các dân tộc vùng Đông Nam Á, chúng ta thấy quan điểm của P. Gourou là chính xác khi ông nhận định: Nên văn minh của các dân tộc vùng này là "văn minh thực vật", "văn minh tre gỗ"⁽¹⁾.

Nghề đan lát của người Mường - Tân Lạc là những nghề phụ, nghề thủ công truyền thống, được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Người ta làm vì mục đích sử dụng trong gia đình, làm vật đựng, vật chứa bằng tre, nứa, mây, giang... Qua khảo sát ở các xã Phú Vinh, Mỹ Hòa cho thấy những đồ dùng gia dụng, kỹ thuật thao tác đan lát tre, nứa, thao tác đan lát tre, nứa, giang, mây của người Mường đạt trình độ khá điêu luyện về kỹ thuật, cũng như có giá trị cao trong việc sử dụng hàng ngày.

Nguyên liệu của nghề đan lát chủ yếu là tre, nứa, mây, giang, được khai thác trên rừng, họ cũng có trồng một số tre quanh làng xóm, nhưng không nhiều. Một đặc điểm là nghề thủ công này thường do người đàn ông Mường làm.

Sau khi khai thác nguyên liệu từ rừng về, người ta pha tre nứa theo những độ dài tùy ý, vót nhẵn và hong trên dàn bếp. Công việc này thường được làm khi nông nhàn, và những lúc rỗi trong ngày.

Kỹ thuật đan lát thường thao tác sử dụng kiểu đan cơ bản của cả hai mặt; mặt sử dụng với đan nong một nong hai, nong ba, theo cách gọi dân gian là đan kiểu rá, kiểu sàng, kiểu sọt, với các thao tác cuốn, xếp, gài, tết, tạo ra những hình dáng đẹp như một tác phẩm mỹ nghệ. Có thể kể hàng loạt các sản phẩm được tạo ra từ bàn tay khéo léo của người đàn ông Mường như Vách nứa, vách chạn kép, các "chò ố", cái "ép trâu", cái muồn đựng tầm, cái "mủng" đựng bông, cái "ép chè" hai vỏ, cái "bem" hai thân, cái "tao" cái "tal" hai phía, và đặc sắc nhất là cái "bàn hè" làm bằng mây và giang. (Đây là một loại mâm dùng để đựng thức ăn người

Mường dùng trong các dịp lễ, tết). "Bàn hè" có lòng trứng xuống để bát đĩa, có thành rộng để đặt cốc rượu. Lòng của nó được đan lóng ba bằng nan to bản, kiểu đan chéo lóng ba, xếp ba hình bình hành tạo thành hình tam giác chéo, tạo với ba hình nan quay dọc khác tạo nên nhiều hình hoa chong chóng có ba cánh, thành ngoài được đan theo kiểu cuốn vòng liên tiếp bằng loại song mềm, dùng mây cuốn tiếp, tạo thành một dây ong cánh nổi màu nâu. Cả "bàn hè" trông tựa một bông hoa lớn được đan, cuốn tinh xảo bằng song và mây.

"Trò ố", một vật dụng gắn với một phong tục đẹp của người Mường, là vật để đựng đồ dùng, quà của cô dâu như mặt "phà", gói mang về biếu bố mẹ, anh em bên chồng. "Trò ố" là một vật dụng được đan rất đẹp với kỹ thuật tinh xảo, phía ngoài có 3 khoang, khoang trên đan kiểu rá (nan công thưa, nan con sít), đan và quấn những vòng tròn thanh mảnh đều đặn tinh tế. Khoang giữa đan kiểu sàng (nan dọc, nan ngang đều, thưa) lại xếp hình vuông xen cùng hình thoi. Nếu "trò ố" là vật dụng đặc trưng cho nhà gái khi đưa dâu về nhà chồng, thì nhà trai khi xin cưới, đón dâu phải mang vác những gùi "chón" đựng gạo, đựng đồ dẫn cưới đến nhà gái. "Chón" không định hình vì không có cạp, tùy theo cách xếp, hoặc mang vác của nhà trai. Thân "chón" có 5 khoang kể từ miệng xuống đáy, bao gồm 2 đường vòm đan xuôi, chạy ngược nhau thành một dây vòng hình đồng tiền xen hình sao. Ván đan đóng hàng nhau, khoang cuối cùng đan giống như khoang một, đáy của "chón" đan nổi lên vân hình vuông đồng tâm. Gùi "chón" này thường được đan bằng tre và song.

Nhìn chung, đồ dùng gia dụng ở Tân Lạc được tạo bằng kỹ thuật đan tinh xảo thể hiện tính thẩm mỹ cao và tay nghề thuần thực của người Mường. Họ sử dụng những đường đan vòng mềm và chắc với chất liệu mây, giang, để dấu đi những chỗ nổi, thường được dây quấn hoa văn trùm lên hoặc lồng vào nan khâu một cách tài tình. Màu sắc

của các vật dụng là màu nâu xám, trắng ngà, nâu chàm. Cách tạo màu được hòa hợp với cách đan, chiều đưa sợi mây, tre, hoặc lật ngược sợi nan, hay đặt nghiêng sợi đan tạo nên màu sắc đậm nhạt, cho ta một cảm giác bền chắc và mềm mại của vật dụng. Qua tìm hiểu về nghề đan lát truyền thống của người Mường, chúng ta thấy ở đó kỹ thuật dân gian tinh xảo, nét văn hóa tinh tế trong những đồ dùng gia dụng của đất Mường Bi. Những vật dụng đó có giá trị xứng đáng để trưng bày ở Bảo tàng các dân tộc Việt Nam, như "Bàn hè", mặt "phà", "trò ỏ" v.v... Vấn đề đặt ra ở đây là sự nghiên cứu, lên danh mục sưu tầm cần phải được làm kịp thời để các hiện vật sớm được bảo quản, sử dụng trong trưng bày ở Bảo tàng Dân tộc học.

Nhìn từ góc độ giá trị sử dụng, những sản phẩm của các nghề thủ công truyền thống như nghề dệt, nghề đan lát đều đã đóng góp vai trò không nhỏ trong thành phần kinh tế của từng gia đình người Mường cũng như ảnh hưởng tích cực của nó trong sự phát triển kinh tế chung của địa phương. Ở các chợ Lò, chợ Mấn Đức, các sản phẩm như vải dệt thô, mặt phà và một số đồ đan lát là những mặt hàng góp phần làm phong phú giàu đẹp cho các phiên chợ trong xã, trong huyện và mang lại nguồn thu nhập không nhỏ cho từng hộ gia đình. Từ việc nghiên cứu nghề thủ công truyền thống của người Mường, chúng tôi xin có vài suy nghĩ như sau:

Nghề dệt, nghề đan lát của người Mường, chỉ là những nghề thủ công đơn sơ, bình dị nhưng sản phẩm của nó đã in dấu ấn sâu đậm vào ý thức con người qua các phong tục dân gian đám cưới, đám tang. Những nghề thủ công này của người Mường tuy đã có truyền thống lâu đời nhưng nó chưa trở thành những làng nghề do nhiều hạn chế của điều kiện địa lý hay kinh tế, nhưng đó là những vốn quý cần gìn giữ, bảo tồn và phát triển, giúp nó thoát khỏi tình trạng hoạt động lẻ tẻ, thụ động để vươn tới những

chuyển động tích cực, sống động, phát huy được sức sáng tạo của mình trong cơ chế thị trường. Nếu được sự quan tâm của địa phương để phục hồi và phát huy các nghề thủ công này, trong thực tế đây là những nghề sẽ thu hút được nhiều lao động nhân rỗi, đặc biệt sẽ tạo ra nguồn việc làm thường xuyên cho chị em phụ nữ giúp họ có thêm thu nhập cho kinh tế gia đình. Để ý tưởng đó có thể trở thành hiện thực có lẽ khâu đầu tiên cần phải nói đến là việc đầu tư vốn thông qua phương thức nhà nước cho vay, địa phương hỗ trợ xây dựng liên doanh liên kết để giúp đỡ về khoa học công nghệ mới để có thể sản xuất được những mặt hàng chất lượng cao phục vụ cho xuất khẩu, tạo thị trường ổn định. Muốn vậy, nhà nước và địa phương cần có những chủ trương, biện pháp sát thực tế để động viên được sự cộng tác của các già làng, những người có tay nghề trong việc sử dụng và truyền bá những kinh nghiệm trong việc dạy nghề thủ công truyền thống cho lớp trẻ để có thể tạo ra các làng nghề mang tính cộng đồng, có sự chuyển ngành trong thủ công nghiệp. Việc làm đó sẽ góp phần ổn định đời sống làng xã, tạo ra những tiền đề nhất định trong sự phát triển bền vững trong cộng đồng dân tộc Mường.

Bên cạnh đó, một việc làm có ý nghĩa cấp thiết là việc giáo dục gìn giữ và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, từ việc khai thác sử dụng hợp lý nguồn nguyên liệu rừng đến việc thúc đẩy việc trồng rừng tạo nguồn nguyên liệu thường xuyên phục vụ cho các nghề thủ công. Tất cả những việc làm đó sẽ góp phần to lớn để gìn giữ, bảo vệ và phát huy những nghề thủ công truyền thống ở một vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

(1) P. Gourou. *Nền văn minh thực vật Ấn Độ*, 1948 tr. 385 - 391.